

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Trụ sở chính : Tầng 16, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh  
 – P Phương Mai – Q Hoàn Kiếm – Hà Nội  
 Điện thoại : 0236 - 3680057 - 3841257

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 16 /CV

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

V/v “Giải trình lợi nhuận sau thuế Quý 4/2018  
 giảm hơn 10% so với cùng kì năm 2017”

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Theo báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lợi nhuận sau thuế Quý 4/2018 của Công ty cổ phần HTINVEST (HTP) - 487.115.989 đồng giảm hơn 10% so với cùng kì năm 2017. Công ty xin báo cáo giải trình như sau :

## 1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Tăng (+) Giảm (-)	Tỉ lệ % CK
1	Tổng sản lượng	Triệu trang	-	103,96	(103,96)	0,00%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	455,44	2.080,79	(1.625,35)	21,89%
3	Tổng chi phí	"	1.067,54	2.310,46	(1.242,92)	46,20%
4	Lợi nhuận trước thuế	"	(612,10)	(229,67)	(382,43)	266,51%
5	Lợi nhuận sau thuế	"	(487,15)	(188,57)	(298,58)	258,34%

## 2. Nguyên nhân :

- Do hoạt động rà soát xuất bản phẩm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo nên việc giao in của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trễ hơn so với mọi năm. Đến ngày 04/12/2018 mới chỉ thực hiện in sách bổ trợ và cho đến nay sách giáo khoa vẫn chưa có quyết định in.
- Doanh thu thực hiện trong quý 4/2018 là doanh thu tài chính và nhượng bán vật tư.
- Trong quý 4/2018 tổng doanh thu giảm 1,625 tỉ đồng, riêng doanh thu in sách giáo khoa và sách bổ trợ bằng 0 đồng làm cho tổng doanh thu chỉ đạt 21,89% so với cùng kỳ năm trước và tổng chi phí giảm 1,243 tỉ đồng
- Từ 2 nguyên nhân chính trên làm lợi nhuận sau thuế trong quý 4/2018 đã giảm 298,48 triệu so với cùng kỳ năm 2017.

Trên đây là những nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 giảm so với cùng kì năm 2017. Trân trọng kính giải trình đến UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST

TUO TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng

## CÔNG TY CP HTINVEST

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 4 NĂM 2018

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh

Mẫu số : B02-DN

Phường Phương Mai - Q Hoàn Kiếm - Tp Hà Nội

Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tel: 02363.841257

Fax: 02363.841258

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - CÔNG TY**

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>16.057.595.156</b>	<b>16.562.489.981</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.508.429.218</b>	<b>13.152.281.962</b>
1. Tiền	111	V.01	108.429.218	102.281.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.400.000.000	13.050.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.466.469.237</b>	<b>1.739.890.796</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		457.344.337	1.666.541.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	12.000.000.000	
6. Các khoản phải thu khác nữa	136		52.461.244	116.432.294
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-60.655.388	-56.848.039
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		17.319.044	13.765.447
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>923.748.375</b>	<b>663.811.562</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	923.748.375	663.811.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	()		0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.948.326</b>	<b>6.505.661</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.826.464	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu	153	V.05	143.121.862	6.505.661
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154			0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.758.067.516</b>	<b>4.425.238.236</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			0
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	V.06		0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			0
6. Các khoản phải thu dài hạn khác	216	V.07		0
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			0



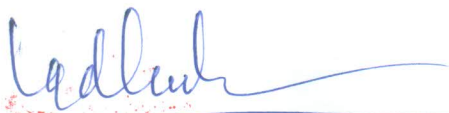


TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.220.541.888</b>	<b>3.823.727.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.611.401.888	3.214.587.534
- Nguyên giá	222		25.174.128.653	25.174.128.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-22.562.726.765	-21.959.541.119
2. Tài sản cố định đi thuê tài chính	224	V.09		0
- Nguyên giá	225			0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	V.10		0
3. Tài sản cố định vô hình	227		<b>609.140.000</b>	<b>609.140.000</b>
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Bất động sản đầu tư	230	V.11	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	()	0	0
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>537.525.628</b>	<b>571.719.035</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	253	V.13	590.671.007	590.671.007
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-53.145.379	-18.951.972
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>29.791.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	29.791.667
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			0
4. Tài sản dài hạn khác	264			0
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.815.662.672</b>	<b>20.987.728.217</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>469.995.916</b>	<b>905.859.907</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>469.995.916</b>	<b>905.859.907</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		301.226.582	397.706.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			21.427.834
3. Thuế và các tài khoản nộp nhà nước	313	V.16	6.792.960	123.448.940
4. Phải trả người lao động	314		0	260.568.551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17		0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	161.976.374	98.434.668
10. Vay và nợ ngắn hạn	320	V.15		0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		0	4.273.230
13. Quỹ bình ổn giá	323			0

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.19		0
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335	V.21		0
6. Doanh thu chưa thực hiện	336			0
7. Phải trả dài hạn khác	337			0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20		0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			0
11. Thuế thu nhập hoãn phải trả lại	341			0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			0
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			0
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>19.345.666.756</b>	<b>20.081.868.310</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>19.345.666.756</b>	<b>20.081.868.310</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.049.800.000	18.049.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	411B		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-60.093.500	-60.093.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415		-914.353.746	-914.353.746
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.914.347.993	1.914.347.993
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		355.966.009	1.092.167.563
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		163.416.463	46.570.842
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		192.549.546	1.045.596.721
<b>II. Nguồn vốn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>19.815.662.672</b>	<b>20.987.728.217</b>

Đà Nẵng, Ngày 09 tháng 01 năm 2019

TUQ KẾ TOÁN TRƯỞNG  
PP KẾ TOÁN TÀI VỤ





TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



  
Nguyễn Thanh Tùng



Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh

Mẫu số : B02-DN

Phường Phương Mai - Q Hoàn Kiếm - Tp Hà Nội

Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

Tel: 02363.841257 Fax: 02363.841258

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - CÔNG TY****QUÍ 4 NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÍ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2018	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	76.468.130	1.678.627.039	7.418.380.775	11.447.596.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		76.468.130	1.678.627.039	7.418.380.775	11.447.596.882
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	723.946.111	1.709.851.835	6.830.846.764	9.072.661.240
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>-647.477.981</b>	<b>-31.224.796</b>	<b>587.534.011</b>	<b>2.374.935.642</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	341.137.862	280.149.282	1.071.281.211	943.886.020
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	20.078.064	4.416.474	37.298.681	-16.422.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25		200.000	10.319.325	58.773.533	55.464.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		323.083.071	548.875.527	1.402.629.843	2.044.044.821
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) -</b>	<b>30</b>		<b>-649.701.254</b>	<b>-314.686.840</b>	<b>160.113.165</b>	<b>1.235.734.467</b>
11. Thu nhập khác	31		37.836.269	122.019.634	69.839.771	124.019.634
12. Chi phí khác	32		230.002	37.000.000	1.230.004	52.328.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		37.606.267	85.019.634	68.609.767	71.691.634
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>-612.094.987</b>	<b>-229.667.206</b>	<b>228.722.932</b>	<b>1.307.426.101</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-124.978.998	-41.093.442	36.173.386	261.829.380
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>-487.115.989</b>	<b>-188.573.764</b>	<b>192.549.546</b>	<b>1.045.596.721</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-296	-115	117	635

TUQ KẾ TOÁN TRƯỞNG  
PP KẾ TOÁN TÀI VỤ


LÊ QUANG DĨNH THANH

Đà Nẵng, Ngày 09 tháng 01 năm 2019

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
  
NGUYỄN THANH TÙNG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - CÔNG TY

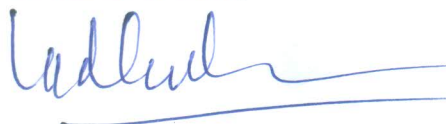
### QUÍ 4 NĂM 2018

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.260.429.251	12.346.078.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.897.683.354)	(3.462.598.001)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.655.663.148)	(5.549.688.191)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(172.789.587)	(271.100.115)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.565.900	249.346.662
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.610.687.030)	(2.185.048.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>965.172.032</b>	<b>1.126.989.932</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		100.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.076.183.229
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		341.166.715	727.936.782
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.658.732.376)</b>	<b>10.804.120.011</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(950.253.000)	(986.151.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(950.253.000)</b>	<b>-986.151.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11.643.813.344)</b>	<b>10.944.958.943</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>13.152.242.562</b>	<b>2.207.283.619</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	0
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.508.429.218</b>	<b>13.152.242.562</b>

Đà Nẵng, Ngày 09 tháng 01 năm 2019

TUQ KẾ TOÁN TRƯỞNG

PP KẾ TOÁN TÀI VỤ



LÊ QUANG DĨNH THANH

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THANH TÙNG



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/10/2018 với mã số doanh nghiệp là 0400459486 với tên gọi là : **CÔNG TY CP HTINVEST**

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng :

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### 7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 8. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### 9. Ghi nhận doanh thu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 11. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ♦ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc.
  - ♦ Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ♦ Áp dụng mức thuế suất là 20% theo qui định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QHB ngày 19/06/2013.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 12. Công cụ tài chính.

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**13. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán :****1. Tiền và các khoản tương đương tiền :**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.370.986	26.180.941
Tiền gửi ngân hàng	105.058.232	76.101.021
Tiền gửi có kỳ hạn (dưới 3 tháng)	1.400.000.000	<b>13.050.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.508.429.218</b>	<b>13.152.281.962</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền gửi có kì hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NXB Giáo dục tại TP. Đà Nẵng		1.393.351.820
Công ty CP Đầu tư và PTGD tại Đà Nẵng	45.237.665	133.691.871
Các đối tượng khác	412.106.672	139.497.403
<b>Cộng</b>	<b>457.344.337</b>	<b>1.666.541.094</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4. Phải thu về cho vay - Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	12.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>0</b>

**5. Phải thu khác - Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	1.000.000
Tạm ứng	13.717.500	45.365.777
Lãi dự thu và cổ tức phải thu		44.981.805
Phải thu khác	37.743.744	25.084.712
<b>Cộng</b>	<b>52.461.244</b>	<b>116.432.294</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	47.329.664	47.329.664
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.325.724	9.518.375
<b>Cộng</b>	<b>60.655.388</b>	<b>56.848.039</b>

**7. Hàng tồn kho :**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	554.559.730	489.874.898
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	321.311.081	108.782.401
Hàng hóa	47.877.564	65.154.263
<b>Cộng</b>	<b>923.748.375</b>	<b>663.811.562</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình đến 31/12/2018**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
Mua sắm trong năm	0			0
Thanh lý, nhượng bán	0			0
Số cuối năm	<b>5.704.591.937</b>	<b>18.709.830.222</b>	<b>759.706.494</b>	<b>25.174.128.653</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	4.675.913.123	16.956.216.048	327.411.948	21.959.541.119
Khấu hao trong năm	313.072.454	228.356.830	61.756.362	603.185.646
Giảm trong năm				0
Số cuối năm	<b>4.988.985.577</b>	<b>17.184.572.878</b>	<b>389.168.310</b>	<b>22.562.726.765</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.028.678.814	1.753.614.174	432.294.546	3.214.587.534
Số cuối năm	<b>715.606.360</b>	<b>1.525.257.344</b>	<b>370.538.184</b>	<b>2.611.401.888</b>

Nguyên giá TSCĐ HH đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 16.635.601.738 đ

Không có TSCĐ hữu hình dùng cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2018

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	TSVH khác VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Mua sắm trong kì		0
Giảm trong kì	0	0
Số cuối kì	<b>609.140.000</b>	<b>609.140.000</b>
<b>Khấu hao</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối kì	<b>609.140.000</b>	<b>609.140.000</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách**

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT		111.942.174	433.496.169	561.264.807	15.826.464	
Thuế TNDN	6.505.661		36.173.386	172.789.587	143.121.862	
Thuế TNCN		11.506.766	44.609.404	49.323.210		6.792.960
Các loại khác		0			0	
<b>Cộng</b>	<b>6.505.661</b>	<b>123.448.940</b>	<b>514.278.959</b>	<b>783.377.604</b>	<b>158.948.326</b>	<b>6.792.960</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***11. Các khoản phải trả khác - Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
BHXXH, Kinh phí công đoàn	118.534.209	59.328.405
Cổ tức phải trả	14.545.750	13.348.750
Phải trả khác	28.896.415	25.757.513
Tạm nhập vật tư		
<b>Cộng</b>	<b>161.976.374</b>	<b>98.434.668</b>

**12. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN Sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2018	18.049.800.000	-60.093.500	-914.353.746	1.914.347.993	1.092.167.563
Tăng trong kì	0	0	0	0	192.549.546
Giảm trong kì	0	0	0	0	928.751.100
Số dư tại 31/12/2018	18.049.800.000	-60.093.500	-914.353.746	1.914.347.993	355.966.009

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.049.800.000</b>	<b>18.049.800.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)**  
*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**c. Cổ phiếu**

	<b>30/09/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	<b>1.804.980</b>	<b>1.804.980</b>
- Cổ phiếu thường	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu quỹ	<b>159.400</b>	<b>159.400</b>
- Cổ phiếu thường	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu thường	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.092.167.563	1.092.515.742
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	192.549.546	1.045.596.721
<b>Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức</b>	<b>928.751.100</b>	<b>987.348.000</b>
- Trích lập các quỹ	0	0
- Chia cổ tức cho cổ đông	928.751.100	987.348.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>355.966.009</b>	<b>1.150.764.463</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	31.887.898	73.013.000
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	122.100.000	162.800.000
Công ty CP XNK Ngành in SIC	32.780.000	49.415.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924
Các đối tượng khác	28.383.760	26.403.760
<b>Cộng</b>	<b>301.226.582</b>	<b>397.706.684</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Trong đó : Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung		0
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng		
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7 418 380 775</b>	<b>11 447 596 882</b>
+ Doanh thu in ấn, cắt rọc	5.251.590.200	9.247.308.673
+ Doanh thu khác	2.166.790.575	2.200.288.209
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>7.418.380.775</b>	<b>11.447.596.882</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.034.460.167	7.314.012.393
Giá vốn hoạt động khác	1.796.386.597	1.758.648.847
<b>Cộng</b>	<b>6.830.846.764</b>	<b>9.072.661.240</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	983.965.566	853.879.142
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.468.000	46.927.200
Chiết khấu thanh toán, lãi bán CP	38.847.645	43.079.678
<b>Cộng</b>	<b>1.071.281.211</b>	<b>943.886.020</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)**  
*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí bán cổ phiếu		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	37.298.681	-16.422.001
<b>Cộng</b>	<b>37.298.681</b>	<b>-16.422.001</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ/Cho thuê xe ô tô	69.839.771	124.019.634
<b>Cộng</b>	<b>69.839.771</b>	<b>124.019.634</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí HĐQT, BKS không tham gia điều hành	0	48.400.000
Chi khác	1.230.004	3.928.000
	<b>1.230.004</b>	<b>52.328.000</b>

**7. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>228.722.932</b>	<b>1.307.426.101</b>
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-48.468.000	1.720.800
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)		52.328.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	48.468.000	50.607.200
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>180.254.932</b>	<b>1.309.146.901</b>
- Thu nhập chịu thuế VP Công ty	180.254.932	1.309.146.901
- Thu nhập chịu thuế đơn vị trực thuộc		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>36.173.386</b>	<b>261.829.380</b>
<i>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<b>36.173.386</b>	<b>261.829.380</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>192.549.546</b>	<b>1.045.596.721</b>

86-00  
 TY  
 AN  
 EST  
 ANH  
 NG  
 ĐK N



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÍ 4 NĂM 2018 – CÔNG TY CP HTINVEST (HTP)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	192.549.546	1.045.596.721
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP	192.549.546	1.045.596.721
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>117</b>	<b>635</b>

**V. Thông tin về các bên liên quan**

**1. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư

**2. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018	Năm 2017
<b>Bán hàng</b>		<b>7.959.963.233</b>	<b>10.013.750.482</b>
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công in	5.439.029.584	6.775.837.404
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	Công in	207.196.785	397.229.730
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục ĐN	Công in	1.648.312.205	2.840.683.348
Công ty CP Đầu tư phát triển Trường PTCNGD	Công in		
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư SX (CIRI)	Lãi vay	665.424.659	

TUQ. KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ QUANG ĐÌNH THANH

Đà Nẵng, Ngày 05 tháng 01 năm 2019

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH TÙNG



Số: 03/UQ-HTINVEST**GIẤY ỦY QUYỀN**

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Công ty CP HT INVEST, địa chỉ số Tầng 16, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, chúng tôi gồm:

**BÊN ỦY QUYỀN:**

Họ và tên: **Phạm Hải Đăng**  
CMND số: 012457111 do công an Tp Hà Nội cấp ngày 23/07/2008  
Thường trú tại: Số 11B, Tông Dân, P Trảng Tiền, Q Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội  
Hiện là Tổng Giám đốc Công ty CP HTINVEST

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:**

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Tùng**  
CMND số: 200021054 do công an Tp Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2018  
Thường trú tại: 59 Lê Văn Linh P Khuê Trung, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng  
Hiện là Giám đốc Công ty CP HTINVEST – Chi nhánh Đà Nẵng

**Hai bên thống nhất ký giấy Ủy quyền với nội dung sau:**

**Điều 1: Nội dung Ủy quyền.**

Bằng văn bản này, Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện các công việc của Tổng Giám đốc Công ty CP HT INVEST như sau: Chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính Quý 4/2018 và Báo cáo tài chính Năm 2018 của Công ty.

**Điều 2: Phạm vi Ủy quyền.**

Bên nhận Ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 1 của Giấy ủy quyền này. Bên nhận Ủy quyền chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bên Ủy quyền, trước pháp luật và Điều lệ Công ty về việc thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền nêu trên và không được Ủy quyền lại cho người khác.

**Điều 3: Thời hạn Ủy quyền.**

Giấy Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hoàn thành công việc hoặc khi Bên Ủy quyền có văn bản chấm dứt/thay thế văn bản này.

Giấy Ủy quyền này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và lưu hồ sơ Công ty 01 bản.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN  
GD CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THANH TÙNG**

**BÊN ỦY QUYỀN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM HẢI ĐĂNG**



Số: 04./UQ-HTINVEST**GIẤY ỦY QUYỀN**

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Công ty CP HT INVEST, địa chỉ số Tầng 16, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, chúng tôi gồm:

**BÊN ỦY QUYỀN**

Ông MAI VĂN THANH

Số CMND: 012692760 Cấp ngày: 04/6/2004 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký HKTT: Số 7, ngõ 59, Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Phòng 918, chung cư CT36, 326 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

Kế toán trưởng của Công ty CP HT INVEST.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**

Ông LÊ QUANG DĨNH THẠNH

Số CMND: 200917828 Cấp ngày: 06/02/2018 Nơi cấp: Công an thành phố Đà Nẵng

Nơi đăng ký HKTT: 36 Pasteur – Quận Hải Châu – Đà Nẵng

Chỗ ở hiện nay: 292/26 Hải Phòng - P. Tân Chính – Quận Thanh Khê – Đà Nẵng

Kế toán trưởng Công ty CP HT INVEST - Chi nhánh Đà Nẵng

**Hai bên thống nhất ký giấy Ủy quyền với nội dung sau:****Điều 1: Nội dung Ủy quyền.**

Bằng văn bản này, Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện các công việc của Kế toán trưởng Công ty CP HT INVEST như sau: Chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính Quý 4/2018 và Báo cáo tài chính Năm 2018 của Công ty.

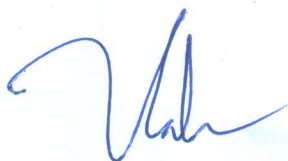
**Điều 2: Phạm vi Ủy quyền.**

Bên nhận Ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 1 của Giấy ủy quyền này. Bên nhận Ủy quyền chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bên Ủy quyền, trước pháp luật và Điều lệ Công ty về việc thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền nêu trên và không được Ủy quyền lại cho người khác.

**Điều 3: Thời hạn Ủy quyền.**

Giấy Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hoàn thành công việc hoặc khi Bên Ủy quyền có văn bản chấm dứt/thay thế văn bản này.

Giấy Ủy quyền này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và lưu hồ sơ Công ty 01 bản.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN****BÊN ỦY QUYỀN****LÊ QUANG DĨNH THẠNH****MAI VĂN THANH****PHẠM HẢI ĐĂNG**